

## NHẬN DIỆN GIÁ TRỊ TRUYỀN BÁ LỊCH SỬ QUA MỘT SỐ VỞ CẢI LƯƠNG ĐỀ TÀI LỊCH SỬ GIAI ĐOẠN 1975-1986

**Võ Thành Tài<sup>(1)</sup>**

(1) Trường Trung cấp nghề Nhân Đạo

Ngày nhận bài 24/3/2025; Chấp nhận đăng 14/4/2025

Email liên hệ: bluetan7211@gmail.com

### **Tóm tắt**

*Cải lương, một thể loại nghệ thuật sân khấu truyền thống, đã trở thành phương tiện hiệu quả để chuyển tải thông điệp lịch sử, đặc biệt là qua các tác phẩm đề cập đến những nhân vật lịch sử nổi tiếng như Bà Triệu, Thái Hậu Dương Vân Nga, Ý Lan... Phân tích nội dung kịch bản, hình thức biểu diễn, và các yếu tố văn hóa nghệ thuật trong các vở cải lương Tiếng trống Mê Linh, Thái Hậu Dương Vân Nga, Câu Thơ Yên Ngựa; bài viết Nhận diện giá trị truyền bá lịch sử qua một số vở cải lương đề tài lịch sử giai đoạn 1975-1986 chỉ ra rằng, các vở cải lương này phản ánh và tái hiện các sự kiện lịch sử quan trọng của Việt Nam trong quá khứ. Thông qua việc khắc họa các nhân vật lịch sử và các tình huống xung đột, trong các vở cải lương, người sáng tác đã thể hiện sự kết hợp giữa yếu tố lịch sử và yếu tố tưởng tượng nghệ thuật. Nghiên cứu hàm ý rằng: nghệ thuật cải lương truyền thống không chỉ là phương tiện giải trí mà còn có giá trị giáo dục, góp phần hình thành nhận thức về lịch sử và văn hóa dân tộc.*

**Từ khoá:** cải lương, lịch sử, nghệ thuật truyền thống, 1975-1986

### **Abstract**

#### **IDENTIFYING THE VALUES OF HISTORICAL DISSEMINATION THROUGH SOME HISTORICAL-THEMED CẢI LƯƠNG PLAYS FROM 1975 - 1986**

*Cải lương, a traditional theatrical art genre, has become an effective means of conveying historical messages, especially through works referring to famous historical figures such as Bà Trưng, Queen Mother Dương Vân Nga... Analyzing the content of the script, performance form, and cultural and artistic elements in the Cải lương plays Tiếng trống Mê Linh, Queen Mother Dương Vân Nga, Cau Tho Yen Ngua (The verse and the saddle), the paper "Identifying the values of historical dissemination through some historical-themed Cải lương plays from 1975-1986" shows that these Cải lương plays reflect and recreate important historical events of Vietnam in the past. Through the depiction of historical figures and conflict situations in the Cải lương plays, the composer has shown the combination of historical elements and artistic imagination elements. The study implies that traditional Cải lương art is not only a means of entertainment but also has educational value, contributing to the formation of awareness of national history and culture.*

### **1. Đặt vấn đề**

Lịch sử Việt Nam là một đất nước có khoảng 4000 năm hình thành và phát triển. Xuyên suốt quá trình lịch sử đó, người Việt Nam đã phát huy tinh thần dân tộc, sức sáng tạo để làm nên một nền văn hóa đậm đà bản sắc. Bên cạnh đó, sử Việt Nam cũng ghi lại những

cuộc kháng chiến chống xâm lược của những anh hùng dân tộc đối với những quốc gia khác nhằm mục đích mở rộng phạm vi lãnh thổ, gia tăng ảnh hưởng trên trường quốc tế. Thực tế, muốn tiếp cận lịch sử có rất nhiều phương cách, từ việc đọc sách, đi bảo tàng, hay thông qua những loại hình nghệ thuật giải trí như ca nhạc, phim ảnh, kịch nói, cải lương...

Cải lương là một loại hình nghệ thuật truyền thống của Việt Nam được phôi sinh, hình thành trên mảnh đất Nam Bộ trong hai thập niên đầu ở thế kỷ XX, loại hình nghệ thuật sân khấu ra đời là sự kết hợp giữa việc kế thừa, phát huy của các loại hình nghệ thuật truyền thống khác như Hát bội, Đờn ca tài tử và giao lưu với kịch nói Tây Phương. Trong bối cảnh xã hội hiện đại ngày nay, cải lương đang đối mặt những khó khăn, có nguy cơ mai một; thì việc bảo tồn, vực dậy loại hình sân khấu truyền thống này là điều cần thiết.

Góp phần vào việc truyền bá, đưa tri thức lịch sử đến các tầng lớp trong nhân dân, cải lương – loại hình văn hóa nghệ thuật truyền thống của Việt Nam đã làm khá tốt vai trò này, đặc biệt là từ sau năm 1975 đến nay. Những vở cải lương đề tài lịch sử đã tái hiện một cách sống động chân dung những nhân vật, các sự kiện lịch sử, giá trị văn học – thơ ca... đi cùng đất nước trong suốt hơn 4000 năm qua. Chính điều đó càng làm cho loại hình nghệ thuật sân khấu này thêm giá trị, khi không chỉ đáp ứng yêu cầu thẩm mỹ, nghệ thuật; mà còn đạt tới giá trị văn hóa, nhân văn, cụ thể là trong việc nâng cao dân trí, thiết kế xã hội.

## 2. Tổng quan tài liệu và phương pháp nghiên cứu

### 2.1. Tổng quan tài liệu

*Sân khấu cải lương Nam bộ 1918 – 2000* (2003) của Đỗ Dũng đã viết về quá trình hình thành, lan tỏa và phân hóa của cải lương, đặc biệt là cải lương ở Nam bộ trong hơn 80 năm của thế kỷ XX. Mỗi thời kỳ, tác giả đã gửi đến tình hình hoạt động, thực trạng của cải lương trước thời cuộc.

*Nghệ thuật cải lương* (2006) của Tuấn Giang là công trình nghiên cứu chuyên sâu, khi tác giả đề cập đến ba thành tố lớn là ngôn ngữ, kịch bản và mỹ học của cải lương. Bên cạnh việc tác giả cho rằng: tính ước lệ, tượng trưng là những đặc trưng ngôn ngữ sân khấu truyền thống; thì phần kịch bản nhắc về hướng phát triển của cải lương ở đề tài lịch sử sau năm 1975, và hiện thực xã hội được lồng ghép trong nội dung kịch bản cải lương.

*Sân khấu cải lương ở thành phố Hồ Chí Minh – 100 câu hỏi đáp* (2007), hai tác giả Đỗ Hương và Nguyễn Thị Minh Ngọc đã giới thiệu về quá trình hình thành, các thể hệ nghệ sĩ, những đặc điểm (như âm nhạc, các thể loại của kịch bản cải lương) và thực trạng khó khăn ở thế kỷ 21... của loại hình nghệ thuật này. Nhìn chung, công trình đã cung cấp toàn diện và bao quát tới người đọc những thông tin, kiến thức cần thiết khi muốn tìm hiểu và nghiên cứu về loại hình sân khấu này.

Vận dụng những đặc trưng văn hóa của Việt Nam như: Tính linh hoạt và tính tổng hợp, Nguyễn Thị Trúc Bạch với hai bài nghiên cứu *Tính linh hoạt trong cấu trúc nghệ thuật cải lương ở Nam bộ* (2012) và *Đặc tính tổng hợp trong cấu trúc nghệ thuật cải lương Nam bộ* (2013) để chứng minh rằng, nghệ thuật cải lương cũng mang những đặc tính văn hóa đó, thông qua những yếu tố như: kịch bản, nhạc cụ, lối trình diễn của người nghệ sĩ và khán giả.

Nếu với quyển sách biên khảo *Hát bội, Đờn ca tài tử và cải lương – cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20* (2013) của Nguyễn Đức Hiệp và Nguyễn Lê Tuyên đã trình bày cô đọng, súc tích quá trình hình thành của cải lương từ sự kết hợp và phát triển hai loại hình nghệ thuật tồn tại trước đó là Hát bội và Đờn ca tài tử - kết hợp của những bài bản và làn điệu; thì với

*Bước đường của cải lương* (2018), Nguyễn Tuấn Khanh đã đi sâu nghiên cứu về quá trình hình thành của loại hình sân khấu này, bắt nguồn từ hai loại hình nghệ thuật trên, rồi về sau, cùng với âm nhạc phương Tây, hình thành nên lối Ca ra bộ, đến cải lương sau này. Trong quyển sách, tác giả dừng lại ở mốc thời gian năm 1920, thời điểm cải lương vừa mới hình thành và nhiều gánh hát được lập ra sau đó. Qua tài liệu nghiên cứu, Nguyễn Tuấn Khanh cung cấp một cách chi tiết, cẩn thận về lịch sử hình thành của sân khấu cải lương từ những loại hình nghệ thuật và âm nhạc Việt Nam giai đoạn cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX.

Đề cập đến vấn đề thiết kế xã hội, bài nghiên cứu *Di sản văn hóa nghệ thuật và thiết kế xã hội ở Việt Nam* (2020) của Mã Thanh Cao nhắc đến việc tạo ra những sản phẩm, tác phẩm (trong đó có văn hóa nghệ thuật) với mục đích phục vụ cho xã hội, đóng góp vai trò vào việc thay đổi, phát triển xã hội để cuộc sống trở nên tốt đẹp hơn. Trong vấn đề thiết kế xã hội, việc dùng những di sản văn hóa nghệ thuật truyền thống là điều cần thiết. Vận dụng quan điểm này vào đề tài luận văn đề thấy rằng, những vở cải lương về đề tài lịch sử – với tư cách là những sản phẩm của loại hình văn hóa nghệ thuật, đã có những tác động thế nào ở giai đoạn được ra mắt và có vai trò giáo dục, định hướng không chỉ là ở thời điểm lần đầu công diễn mà còn có giá trị trong xã hội ngày nay.

## 2.2. Phương pháp nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là giá trị truyền bá lịch sử được thể hiện qua những vở cải lương đề tài lịch sử giai đoạn 1975-1986. Nghệ thuật sân khấu cải lương Việt Nam nói chung, Nam bộ nói riêng đa dạng về các đề tài; nhưng tựu trung có hai thể loại lớn, phân biệt là cải lương tuồng cổ và cải lương xã hội, thông qua cách tạo hình, trang phục của nhân vật trong vở cải lương. Theo đó, cải lương tuồng cổ về đề tài lịch sử, với đặc điểm: nhân vật với trang phục có “áo, mào, cân, đai” - đây chính là đối tượng mà nghiên cứu hướng đến. Chọn lựa ba vở diễn cải lương, gồm: Tiếng trống Mê Linh (1977), Thái hậu Dương Vân Nga (1978), Câu thơ yên ngựa (1982) làm đối tượng nghiên cứu, bởi đây là những vở diễn tiêu biểu của loại hình sân khấu cải lương sau năm 1975. Thông qua những vở diễn này, ta có thể nhận ra bình diện chung về giá trị và nội dung của những vở cải lương khác cũng về đề tài lịch sử, khi sau gần 50 năm, những thông điệp, ý nghĩa và bài học lịch sử của những vở diễn vẫn còn nguyên giá trị với xã hội, chứ không đơn thuần là một loại hình nghệ thuật để giải trí. Trong thực tế, đây là những vở mà khi được nhắc tới, nhiều người đều biết đến. Năm 2014, trong loạt bài báo Những vở diễn để đời viết về những vở diễn cải lương mang tính kinh điển trên báo Thanh niên đều có sự hiện diện của ba vở diễn này (Tiếng trống Mê Linh kỳ 1, TH Thái hậu Dương Vân Nga kỳ 9, câu thơ yên ngựa kỳ 3). Những vở diễn này cũng nhiều lần được các thí sinh, nghệ sĩ trình diễn trong các chương trình truyền hình, sân khấu...

Bài báo sử dụng lý thuyết nghiên cứu Trường lực của Pierre Bourdieu để thấy rằng, một số vở cải lương khi ra mắt muốn đạt được giá trị, vị trí cao, được công nhận trong xã hội thì chúng phải vừa đáp ứng đường lối chính sách của Đảng và nhà nước đề ra (trường lực chính trị), vừa có thể mang tính định hướng, giáo dục tới khán giả (trường lực giáo dục, trường lực xã hội), cũng như để thấy rằng, cải lương có những quy luật mang tính đặc trưng riêng của bản thân nó (trường lực nghệ thuật).

Về phương pháp nghiên cứu: Bài báo sử dụng hướng tiếp cận nghiên cứu liên ngành, phương pháp lịch sử, tổng hợp và phân tích.

Hướng tiếp cận nghiên cứu liên ngành: bên cạnh ngành nghiên cứu chính là Việt Nam học, chúng tôi cũng kế thừa những nghiên cứu trước đây từ những ngành khoa học xã hội khác như: lịch sử, văn hóa, nghệ thuật.

Phương pháp lịch sử: Hệ thống những nguyên tắc đặt ra nhằm đem lại hiệu quả trong việc tập hợp nguồn tài liệu lịch sử, đánh giá, và đưa ra một tổng hợp những kết quả có được và giải thích kết quả làm sao để đạt được chân dung của quá khứ.

Tổng hợp, so sánh và phân tích: Trên nền tảng những nguồn tài liệu nghiên cứu trước đây, cùng những thông tin mới có được trong quá trình thực hiện nghiên cứu là những cơ sở dữ liệu để tổng hợp, phân loại, phân tích để thấy được ý nghĩa của nội dung đề tài nghiên cứu.

### 3. Kết quả và thảo luận

#### 3.1. Cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng qua vở *Tiếng trống Mê Linh*

##### 3.1.1 *Bối cảnh lịch sử và các sự kiện trong cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng*

Chính sử viết về cá nhân và giai đoạn lịch sử của Hai Bà Trưng khá sơ lược, tổng quát, nguyên nhân có thể do giai đoạn này, lãnh thổ Việt Nam bị đô hộ bởi nhà Đông Hán ở phương Bắc cùng thời gian trị vì tương đối ngắn ngủi của hai bà. Nhà Hán chia lãnh thổ nước Việt lúc bấy giờ thành 3 quận, gồm Giao Chỉ, Cửu Chân và Nhật Nam, hợp cùng 6 quận khác thuộc lãnh thổ Trung Quốc bấy giờ thành Giao Chỉ bộ. Năm 34 SCN, Tô Định được nhà Đông Hán bổ nhiệm chức thái thú, quản lý quận Giao Chỉ. Tô Định là người độc ác, hung bạo; làm cuộc sống người dân Giao Chỉ vô cùng khó khăn, cùng cực; thậm chí còn bị bắt bớ, giết hại vô tội.

Ở đất Mê Linh, có hai chị em tên là Trưng Trắc và Trưng Nhị, là con của lạc tướng vùng đất này, thường được gọi chung là Hai Bà Trưng. Về năm sinh và thuở thiếu thời của hai bà, các cứ liệu lịch sử còn đang bỏ ngõ. Khi trưởng thành, Trưng Trắc được gả cho người con trai lạc tướng Chu Diên tên Thi, thường được gọi là Thi Sách. Cuộc hôn phối này cũng gây dè chừng, phòng bị cho giặc, bởi đi kèm với đó là sự liên minh thủ lĩnh giữa hai vùng đất là Mê Linh và Chu Diên, gây ra mối đe dọa cho bộ máy cai trị của giặc phương Bắc. Có những quan điểm nói rằng, vì muốn ngăn chặn thế lực liên kết lớn mạnh ấy, hay vì lệnh cảnh cáo của Thi Sách với Tô Định mà ông bị Tô Định giết chết. Sự kiện Thi Sách bị bức tử đó được chép lại là vào khoảng năm 39 – 40 SCN. Bởi cái chết của chồng, cũng như hoàn cảnh đất nước bị giặc thù đô hộ, hai chị em Trưng Trắc đã tập hợp quân binh, khởi nghĩa chống lại Tô Định. Sự nổi dậy của hai bà không chỉ được ủng hộ bởi nhân dân Giao Chỉ, mà còn được hưởng ứng, lan tỏa đến các quận khác như Cửu Chân, Nhật Nam. Thấy uy thế oai phong của hai bà trên bành voi chiến, nhân dân đi theo cùng đứng lên khởi nghĩa. Cuộc nổi dậy của Hai Bà Trưng thắng lợi, Tô Định trốn thoát khỏi Giao Chỉ về chịu tội với vua nhà Hán.

Vậy là trải qua hơn 200 năm kể từ khi lãnh thổ của An Dương Vương bị Triệu Đà thôn tính, lãnh thổ nước ta lại được độc lập dưới thời kỳ của Hai Bà Trưng. Các quận Cửu Chân, Nhật Nam cũng hợp về Mê Linh theo hai bà. Đó là vào năm 40 SCN. Đánh đuổi được kẻ thù, hai bà được người dân suy tôn lên làm vua, đóng đô ở Mê Linh. Dưới sự điều hành đất nước của hai bà, bộ máy chính quyền nhìn chung tương đồng như thời nhà Đông Hán đô hộ, chỉ khác là các chức vụ do người Nam nắm giữ. Hai bà cũng miễn giảm thuế khóa trong thời gian hai năm nhằm giúp cho nhân dân nhẹ gánh, an hưởng thái bình.

Nền độc lập chưa kéo dài được bao lâu, năm 41 SCN, vua Quang Vũ nhà Hán cử Mã Viện đem quân sang đánh Giao Chỉ. Dưới sự lãnh đạo của hai bà, người dân Nam đã anh dũng chiến đấu chống kẻ thù trong nhiều trận đánh, ròng rã trong hai năm. Tuy nhiên trong một trận chiến không cân sức, số lượng người dân ngã xuống để bảo vệ lãnh thổ không ít, nhiều số khác bị bắt làm tù binh. Ý chí có thừa nhưng lực lượng của Hai Bà

Trung không tương quan với sức mạnh của địch, hai bà hét rút về Cẩm Khê (Vĩnh Yên) rồi chạy lên xã Hát Ngôn, huyện Phúc Lộc (nay thuộc khu vực Sơn Tây). Hoàn cảnh khốn cùng, hai bà mang theo ý chí chống giặc của mình, gieo thân xuống dòng sông Hát tự vẫn. Ngày đó được ghi lại là mùng 6 tháng 2 năm Quý Mão (năm 43 SCN). Cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng thất bại. Đất nước Nam lại tiếp tục đặt vào sự cai trị và đồng hóa của nhà Đông Hán. Thời gian Hai Bà Trưng làm vua không bao lâu, cuộc khởi nghĩa cuối cùng cũng thất bại; nhưng dưới sự quản lý đất nước của hai bà, người dân phương Nam được hưởng sự độc lập, thoát khỏi chế độ cai trị hà khắc của giặc. Cùng với đó, tinh thần và ý chí chống giặc của hai bà là vô biên, bất tận, “thà chết vinh còn hơn sống nhục”. Có thể thấy, điều đó xuất phát từ mong muốn độc lập, tự do cho quê hương, đồng bào. Bày tỏ lòng biết ơn đối với công lao của hai bà, ngày nay, nhiều đền thờ được xây dựng tại nhiều nơi trong và ngoài nước để ghi nhớ, giáo dục công lao của hai bà trong khoảng thời gian độc lập ngắn ngủi giữa một thời kỳ dài Bắc thuộc.

### *3.1.2 Khắc họa nhân vật và tinh thần đấu tranh của dân tộc qua vở cải lương Tiếng trống Mê Linh*

Xuyên suốt vở diễn là tinh thần bất khuất của người dân Nam trong công cuộc đánh đuổi giặc ngoại xâm Đông Hán, nhằm mục đích bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ, giữ vững những giá trị văn hóa vốn đã có từ trước đó. Đất nước Nam nhất quyết không để bị tàn phá bởi những kẻ ngoại xâm, vận mạng sống của người dân cần được bảo vệ. Để đạt được mục đích cao cả ấy, nội dung của vở cải lương đưa đến cho người xem một thông điệp: Tình yêu đích thực, thiêng liêng của mỗi cá nhân phải là tình yêu quê hương đất nước cùng tình yêu đồng bào ruột thịt; những lợi ích, mạng sống, tình cảm cá nhân; tình nghĩa vợ chồng... đều phải ở vị trí thấp hơn cái tình yêu thiêng liêng, tối thượng ấy. Không chỉ thế, nội dung vở diễn cũng ngợi ca vẻ đẹp của quê hương đất nước, những giá trị văn hóa đã được tổ tiên đúc kết, tích lũy trong khoảng thời gian trước đó, đi kèm là những bài học và thông điệp lịch sử để nhắc nhở người dân phải đoàn kết, quyết tâm giữ vững bờ cõi quê hương. Trong hoàn cảnh đất nước bị đô hộ; tinh thần, thái độ của các nhân vật Trưng Trắc, Thi Sách, Trưng Nhị, Thánh Thiên, nàng Tía, Lê Chân... đã là những tấm gương phản ánh, đại diện cho hào khí, nhân cách Việt trong thời loạn lạc; sự độc ác, tham lam, bạo tàn của giặc ngoại xâm phương Bắc cũng được thể hiện chân thực qua tính cách những nhân vật như Tô Định, Tào Uyên, Mã Tắc.

Với hầu hết những nhân vật trong vở diễn đại diện cho người dân Nam như Trưng Trắc, Thi Sách, Trưng Nhị, Đô Trinh, Đông Bảng, Lê Chân, Thánh Thiên, nàng Tía..., người xem nhận thấy lòng yêu nước là một điểm chung, hiện hữu trong tính cách mỗi nhân vật. Đất nước bị xâm lăng, quê hương bị tàn phá, đồng bào bị ức hiếp, các giá trị văn hóa bị xâm phạm; thì mong muốn có được nền độc lập, sự tự do luôn tồn tại trong lòng mỗi con người dân Nam. Hoàn cảnh, thân phận mỗi nhân vật mỗi khác, nhưng tận dụng và phát huy những đặc điểm riêng đó để tiến tới đánh đuổi giặc ngoại xâm, mong đem lại sự tự do cho dân tộc. Chẳng hạn, nàng Tía là một cô gái gánh rượi bán, cô len lỏi vào hàng ngũ địch quân để do thám tình hình, tin tức giặc đem về báo cho bên ta; Đông Bảng là một thanh niên xuất thân từ gia đình mưu sinh bằng nghề rèn đã hướng dẫn những nghĩa quân rèn gươm giáo; cụ Đô Trinh là một người tuổi cao nhưng nghe theo sự sắp xếp của Trưng Trắc để dìu dắt nghĩa quân luyện tập môn vật; Lê Chân là một nữ tướng ở vùng biển An Biên cũng mang quân về Mê Linh tụ nghĩa với Trưng Trắc... Thân phận mỗi người mỗi khác, nhưng vì cùng có chung một tấm lòng yêu nước, muốn bảo vệ quê hương, tính mạng đồng bào mà những nhân vật tận dụng, phát huy lợi thế sẵn có của bản thân để quyết đứng lên đánh đuổi bóng quân thù.

Với một quốc gia có nền lịch sử luôn gắn liền với công cuộc chống ngoại xâm, sự đoàn kết là một giá trị văn hóa tinh thần, truyền thống quý báu của dân tộc Việt Nam hiển nhiên được hình thành và phát triển trong hoàn cảnh đó để mang đến thắng lợi sau mỗi cuộc chiến. Có đoàn kết mới có thể mang đến chiến thắng và thành công. Trong vở Tiếng trống Mê Linh, điều này được thể hiện vô cùng rõ nét. Có một lời Trung Nhị đã nói: “Mạnh không ở gươm sắt giáo dài, mạnh ở lòng người biết cùng nhau gắn bó”.

Điều làm cho người xem thấy thêm tự hào, thêm yêu quê hương, muốn phát huy tinh thần, trách nhiệm giữ gìn, bảo vệ tổ quốc của mỗi người con nước Việt, chính là thông qua nội dung vở diễn, tác giả còn lồng ghép những lời thoại, bài ca ca ngợi vẻ đẹp của quê hương, đất nước, tình yêu đồng bào và đề cao những giá trị văn hóa, bài học lịch sử của dân tộc. Trung Trắc đoạn đầu vở diễn đã khẳng định tuyên bố một cách hùng hồn: “Đất nước Nam cầm tú, người dân Nam anh hùng”; chắc chắn, khi cảm nhận sâu sắc lời thoại này, trong lòng mỗi người nghe sẽ càng thêm tự hào, kiêu hãnh. Hay một câu nói khác: “Rừng núi Mê Linh hùng vĩ quá” không chỉ được nhắc bởi Trung Trắc mà còn được thốt ra bởi chính miệng của kẻ thù - Tô Định. Đó chính là một sự công nhận đầy khách quan của một “người ngoài” mang thân phận của kẻ xâm lược. Đáp lại một cách nhẹ nhàng nhưng đầy kiêu hãnh, Trung Trắc đã nói: “Non nước tôi đâu đâu cũng là gấm vóc”. Còn lời ca của Thi Sách thể hiện tình yêu quê hương qua những điều nhỏ bé, sâu lắng hơn: “Ta thương từng mảnh đất quê hương, từng mái lá, khóm cây, ngọn cỏ”. Từ hoàn cảnh đau lòng khi bị giặc tàn phá quê hương, lại dâng thêm niềm xót thương cho những người đồng bào vô tội. Trung Trắc nói: “Việc sống thác của riêng mình đã gác bỏ từ lâu, nhưng sống hay chết cũng phải làm sao có lợi cho cả vạn dân Nam, đang quần quai giữa bọn xâm loạn”. Hay vì thương cho những tù binh đồng bào vô tội bị Tô Định tức giận đòi chém đầu, Trung Trắc đã dâng nạp chiếc ngà voi quý để cứu mạng họ. Bà cũng không lo ngại về kẻ sách của giặc khi cố thủ thành Luy Lâu mà “chỉ thương là thương cho muôn vạn dân lành”. Ở một khía cạnh khác, người xem cũng thấy rằng, các yếu tố về văn hóa, bài học lịch sử đã hun đúc để đưa đến người xem ý thức bảo vệ quê hương. Đó là ngày giỗ Quốc tổ các Vua Hùng thiêng liêng, là chiếc trống đồng mang nhiều giá trị ẩn sâu trong nó.

Thông qua vở Tiếng trống Mê Linh, vở diễn đã tái hiện một cách sống động những nhân vật trong lịch sử như Trung Trắc, Thi Sách, Trung Nhị, Thánh Thiên, Lê Chân... Mỗi nhân vật, mỗi tính cách cho người xem thấy được tinh thần, khí chất, trên dưới đồng lòng, cùng nhau kết hợp quyết tâm đánh đuổi giặc Đông Hán. Bên cạnh khí chất của một số nhân vật đã được phân nào giới thiệu ở trên, thì trọn vở diễn, nội dung, mạch truyện được dẫn dắt bởi nhân vật trung tâm là Trung Trắc. Thông qua nhân vật này, vở cải lương đã đưa đến người xem những cảm xúc: lúc trữ tình, sâu lắng; lúc mạnh mẽ, oai phong. Ở Trung Trắc, ta thấy bà phải đảm đương ở cả hai thân phận, cùng gánh trọng trách giữa “một vai nặng gánh non sông, còn một vai nặng nợ ân tình”. Trên cương vị là một người chủ tướng, bà hội tụ đầy đủ những yếu tố của một nhà lãnh đạo tài ba, thao lược; khi trở về vị trí của một người phụ nữ trong gia đình, bà cũng toàn vẹn thân phận của một người hết lòng yêu chồng, thương em.

### **3.2. Cuộc kháng chiến chống quân Tống qua vở Thái hậu Dương Vân Nga**

#### **3.2.1. Cuộc đời và những đóng góp của Thái hậu Dương Vân Nga trong lịch sử Việt Nam**

Vua Đinh Tiên Hoàng ở ngôi được 12 năm (968-979) thì bị Đỗ Thích ám sát qua đời cùng với người con trai cả của mình là Đinh Liễn. Nguyễn Bặc bắt được và giết Đỗ Thích. Dù cho tuổi đời mới lên sáu, Đinh Toàn đã được Nguyễn Bặc, Đinh Điền, Lê Hoàn tôn nối

ngôi làm vua thay cha, tôn mẹ là Dương Vân Nga làm thái hậu, Lê Hoàn giữ vai trò nhiếp chính. Điều này làm cho Nguyễn Bặc, Đinh Điền, Phạm Hạp ngỡ vực, sợ Lê Hoàn làm điều bất lợi với ấu vương nên nổi binh tấn công. Khi mâu thuẫn nội bộ đang manh nha, Dương Vân Nga đã đưa tin này đến Lê Hoàn để ông đưa ra kế sách phòng bị. Vì vậy, Lê Hoàn đã chinh đôn quân ngũ và giành được chiến thắng. Quân của Nguyễn Bặc, Đinh Điền và Phạm Hạp không địch nổi, bị Lê Hoàn giết chết. Đó là vào những năm 979. Dù không chiến thắng nhưng thấy được, cả ba người họ đều là những bậc tôi trung của vua Đinh Tiên Hoàng, muốn bảo vệ ngôi vị cho Đinh Toàn và giang san họ Đinh. Năm 980, lợi dụng tình hình rối ren của triều đình Đại Cồ Việt, nhà Tống phương Bắc đưa quân sang đánh chiếm. Dương Vân Nga nhờ Lê Hoàn chọn người tài chống giặc, Lê Hoàn chọn người dưới trướng mình là Phạm Cự Lượng. Phạm Cự Lượng tỏ ý tôn Lê Hoàn làm vua trước, sau mới xuất quân, tướng sĩ nghe thế đồng thanh hô “vạn tuế”. Thấy vậy, thái hậu trao áo long cổn và tôn Lê Hoàn lên ngôi vua, giáng Đinh Toàn giữ chức Vệ vương. Trước sự tấn công của quân nhà Tống, năm 981, vua thân chinh đánh giặc và giành thắng lợi, Đại Cồ Việt lại sống cảnh yên bình. Năm 982, Lê Hoàn sắc phong Dương Vân Nga là Đại Thắng Minh hoàng hậu, bà trở thành một trong năm vị hoàng hậu của Lê Hoàn.

Dương Vân Nga (? – 1000) là tên gọi được ghép từ tên làng của cha và mẹ bà: Nga My và Vân Lung. Bà là một người xinh đẹp, vì thế cũng không lạ khi bà được giữ ngôi vị chính cung của hai triều đình Đinh – Lê. Trên phương diện chính trị, sử sách không mô tả nhiều về hoạt động của bà trước và sau khi truyền ngôi cho Lê Hoàn. Cuộc đời bà chỉ được nhắc nhiều khi bà trao áo long cổn, truyền ngôi vua cho Lê Hoàn và về sau trở thành hoàng hậu của ông. Khi Đinh Toàn còn ở ngôi, các ông Nguyễn Bặc, Đinh Điền, Phạm Hạp đã nghi ngờ mối quan hệ của hai người nên dấy binh định diệt nhưng thất bại. Nhà Tống xâm lược, bà đã trao ngôi thiên tử lại cho Lê Hoàn và hai năm sau trở thành vợ của ông. Vì điều này, bà nhận nhiều lời phê phán đối với những nhà nghiên cứu dựa trên truyền thống tam cương, ngũ thường của Nho giáo như Ngô Sĩ Liên, Ngô Thời Sĩ, Trần Trọng Kim. Bên cạnh đó, bà cũng nhận những lời bênh vực của Lê Văn Hưu, Phạm Văn Sơn, Hoàng Công Khanh... ở góc nhìn đại cục trong hoàn cảnh đất nước bấy giờ. Thiết nghĩ, thành ngữ Việt Nam có câu: “Ăn theo thủa, ở theo thời”, nhìn nhận và đánh giá một sự việc cũng còn dựa trên thời đại họ đã sống và mình đang sống. Nho giáo một thời đã là một hệ tư tưởng trong xã hội nước ta, là những chuẩn mực sống và hành động; nhưng cũng không phủ nhận, nó đã cản trở sự tự do, là mối ràng buộc, kìm hãm của cá nhân con người với xã hội. Tội của bà bị chê trách là ở góc nhìn Nho giáo, nhưng công của bà cần được ghi nhận trong bối cảnh sống ngày nay cùng hoàn cảnh đất nước lúc bấy giờ.

### 3.2.2. Thái hậu Dương Vân Nga qua lăng kính nghệ thuật cải lương

Dẫn dắt toàn bộ cốt truyện, nội dung vở diễn, nhân vật Thái hậu Dương Vân Nga giữ vai trò chủ đạo khi ở nhân vật này hội tụ những tính cách của một người đứng đầu đất nước. Trong nội tâm của bà, cũng thể hiện sự giằng xé, mâu thuẫn khi phải chọn lựa một bên là lợi ích của dòng họ, của con mình và một bên là lợi ích của quốc gia, dân tộc. Phân tích về nhân vật này, ta phải xem xét ở hai vai trò: một là trên cương vị điều hành đất nước và hai là trong vai trò một người phụ nữ của gia đình khi suy nghĩ về chồng và đối với con.

Đối với một người ở cương vị điều hành đất nước thì ý thức về sự tự tôn, độc lập, chủ quyền của đất nước phải luôn sẵn có. Trong từng hoàn cảnh cần thể hiện sự mềm dẻo, nhẹ nhàng; nhưng cũng cần thể hiện sự cương nghị, cứng rắn khi cần thiết. Cuối cùng, không thể hành động một cách chủ quan mà phải tôn trọng, đặt ý kiến của nhân dân lên hàng đầu. Ở Thái hậu Dương Vân Nga, người xem sẽ thấy được sự tự tôn dân tộc, ý thức về độc lập chủ quyền đất nước luôn tồn tại trong suy nghĩ, lời nói của bà. Chỉ khi ý thức

được điều đó mới có thể hết lòng phụng sự cho lợi ích của quốc gia, dân tộc. Sự tự tôn, ý thức đó thể hiện ở lòng tự hào về cội nguồn văn hóa dân tộc. Khi người đứng đầu phường múa tỏ ý từ chối diễn trò cho sứ thần nhà Tống xem, thái hậu đã nói: “Ta chỉ cần cho chúng biết, dân của ta cũng có nền ca múa hay chẳng kém gì nước lớn, nhất là cho chúng thấy lại một đoạn lịch sử oai hùng của dân Đại Cồ Việt ta. Đó cũng là cách trả lời sự ngạo mạn của chúng” (nhà Tống).

Một suy nghĩ, hành động cao quý, đáng trân trọng của Thái hậu Dương Vân Nga trong vở cải lương đó chính là biết xem nhẹ tình nhà để đặt lợi ích chung của quốc gia, trăm họ lên trước. Ngay đoạn mở đầu, bà đã mơ con trai bà là Đinh Toàn sẽ nối nghiệp cha và ở gần cuối vở, một lần nữa bà nhắc lại ước mơ đó. Điều này cho thấy xuyên suốt từ đầu đến cuối, trong bà vẫn luôn muốn duy trì cơ nghiệp cho nhà Đinh. Nhưng đất nước trước hoàn cảnh bị giặc tấn công, việc trao gươm cho Lê Hoàn là chỉ muốn ông đánh đuổi giặc ngoài biên giới, giữ gìn cơ nghiệp cho nhà Đinh. Khi lòng dân muốn suy tôn Lê Hoàn, bà cũng dẫn đo, nhiều ưu tư khi phải trao quyền cho một dòng họ khác; điều đó đồng nghĩa sau này con bà sẽ không thể lên làm vua, duy trì cơ nghiệp nhà Đinh. Nhưng ý dân đã vậy, “thời thế thay đổi phải đổi thay cho kịp lúc”, vì lợi ích, an nguy chung của trăm họ và đất nước, bà thuận theo ý dân, trao lại long bào cho Lê Hoàn.

Ở bà còn có sự linh hoạt trong thái độ, lời ăn tiếng nói: khi mềm mỏng, nhẹ nhàng; lúc cương nghị, cứng rắn; phù hợp trong từng hoàn cảnh để tránh đi những căng thẳng không cần thiết hay những nhu nhược không đáng có. Khi nói chuyện với thái hậu, sứ Tống tỏ rõ sự tức giận, hống hách; nhưng đổi lại, bà vẫn giữ giọng điệu mềm mỏng nhưng cũng đầy dứt khoát để đối đáp lại ông. Sứ dùng lời lẽ khiếm nhã, trịch thượng; bà nhẹ nhàng, thẳng thắn nhắc nhở rằng “những lời vừa nói thật sai lầm nên tránh”. Ông nóng giận thì bà hỏi: “Có gì đâu mà ngài vội nóng?”. Sứ thể hiện sự coi thường đối với ấu vương thì thái hậu xem đó chỉ là lời “đùa cợt cho vui” và ngầm đe dọa, nhắc lại sự thật trong quá khứ là: “Việc thư hùng đâu phải là nhờ nơi những lời cao ngạo. Dân ta đã bao lần cũng tỏ ra đủ tài binh lược, xua tan trăm ngàn bão giông, giữ yên một dải non sông”. Sứ ép bà mau chóng trả lời thư nhà Tống, bà bảo chờ để hỏi lại ý kiến của nhân dân. Khi trò chuyện với các đức ông, bà cũng tỏ thái độ nhẹ nhàng, mềm mỏng; nhưng khi các đức ông dọa bỏ đi nếu bà không làm theo ý của họ, bà đã thể hiện quyền lực của một người đứng đầu, đánh thếp hỏi: “Trong lúc giặc thù đang đe dọa, coi nước ta như cỏ rác, các người định bỏ đi mà tự cho rằng mình vì cơ nghiệp của tiên hoàng, vì trăm họ, vì giang san, các ông chống giặc và yêu thương non sông gấm vóc mình như vậy sao?”. Câu nói thâm sâu của bà như nhắc nhở đó đã làm cho các đức ông phải thay đổi hành động của mình. Hay khi giặc Tống buộc bà giao nộp long bào, bà nhớ lại bao kỷ niệm cùng ý nghĩa của tấm long bào mà mạnh mẽ, hùng hồn tuyên bố: “Tấm long bào này, tấm áo thiên tử đầu tiên này, ta quyết không bao giờ dâng nạp”.

Ở vị trí của một người đứng đầu quản lý đất nước, Thái hậu Dương Vân Nga đã thể hiện thái độ luôn muốn lắng nghe, tiếp thu ý kiến của nhân dân; bà coi trọng, cân nhắc để làm sao có lợi cho toàn thể trăm họ Đại Cồ Việt. Ở gần cuối vở cải lương, khi nói chuyện với các bô lão ở các động, các sách - là những người đại diện ý kiến của toàn dân, muốn suy tôn Lê Hoàn lên ngôi vua, bà biết rằng ngôi vị của con bà lung lay, chuyện duy trì cơ nghiệp họ Đinh không thể tiếp tục được nữa. Bà đã quyết định làm theo ý dân, trao long bào và suy tôn Lê Hoàn lên ngôi. Bà biết rằng, trước nguy cơ bị giặc Tống xâm lăng, thuận với lòng dân thì trăm họ sẽ tay nối vòng tay, cùng nhau đoàn kết mới mong chống được giặc; dù điều đó phải đánh đổi lại bằng lợi ích của cá nhân, dòng tộc.

Ở vị trí của một người phụ nữ trong gia đình; hình tượng của thái hậu là một người đức hạnh. Khi nói chuyện với Cố mẫu, bà rất cung kính, lễ phép; dù tiên đế không còn, nhưng trong vở cải lương, nhân vật Thái hậu Dương Vân Nga vẫn rất phải đạo với chồng mình; cũng như tình thương của một người mẹ đối với con, phải suy tính để giữ gìn nghiệp báu mà cha đã cho con để nối ngôi sau này.

### **3.3. Cuộc kháng chiến chống quân Tống qua vở Câu thơ yên ngựa**

#### **3.3.1. Bối cảnh lịch sử chống quân Tống của thời vua Lý Thánh Tông – Lý Nhân Tông**

Lý Thánh Tông (1054-1072) là vị vua thứ ba của vương triều nhà Lý (1010-1225) trong lịch sử. Ông là một người nhân từ, thương dân. Hậu cung của vua Lý Thánh Tông có hai người đàn bà được nhắc đến nhiều là hoàng hậu Thượng Dương và nguyên phi Ý Lan, là mẹ ruột của vua Lý Nhân Tông (1072-1127) sau này.

Sau khi Lý Thánh Tông mất, triều đình Đại Việt bước vào cuộc chiến chống quân nhà Tống xâm lược. Nhà Tống trong nhiều năm đã luôn dòm ngó lãnh thổ Đại Việt; tuy nhiên, nhà Tiền Lê đã đánh tan âm mưu xâm lược của họ, buộc nhà Tống phải giữ sự giao hảo với Đại Việt. Khi Lý Thánh Tông mất, Lý Nhân Tông nối ngôi còn quá nhỏ, đây là cơ hội để nhà Tống xâm lược Đại Việt một lần nữa. Năm 1074, ông mời Lý Đạo Thành lúc này đang ở trấn Nghệ An về triều đình, cùng ông chăm lo việc nước. Bấy giờ, quân lính triều đình do Lý Thường Kiệt nắm giữ. Ông đã củng cố lực lượng, không bị động chờ giặc tấn công trước mà chủ động đem quân ra ngăn chặn giặc nhằm ngăn chặn thế chủ động của giặc. Ông cho quân tiến đánh các điểm Ung, Khâu, Liêm trên đất Tống rồi quay về phòng thủ. Đó là vào những năm 1075-1076. Ông bố trí lực lượng bảo vệ kinh thành Thăng Long từ các phía, đặc biệt trọng yếu nhất là khúc sông Cầu. Con sông này chảy chắn ngang những con đường huyết mạch từ Quảng Tây sang kinh thành Thăng Long. Thượng lưu sông Cầu vị thế hiểm trở khó vượt, chỉ có đoạn sông Cà Lồ giao với sông Cầu, tức đoạn sông Như Nguyệt là thuận lợi cho việc qua lại khi có bến đò, đường bộ từ phía Bắc về Thăng Long. Tại đây, Lý Thường Kiệt cho đắp đất dựng thành chiến lũy, ngoài lũy giáp mặt sông, dựng nhiều lớp giậu bằng cọc tre, dưới sông còn có những hầm chông ngầm. Với một hệ thống sông rộng, giậu dày, chông ngầm, lũy cao được bày sẵn như thế, đã tạo nên một mặt trận nguy hiểm gây khó khăn vô cùng cho địch. Mùa thu năm 1076, quân Tống bắt đầu tiến vào Đại Việt. Các mũi tấn công của địch đều bị quân Đại Việt bố người đánh chặn. Năm 1077, quân địch đến đoạn sông Như Nguyệt tính tiến đánh về kinh thành Đại Việt. Địch chia thành hai đội quân, đóng cách nhau khoảng 30km phía Bắc bờ sông. Một đội quân địch bắc cầu phao vượt sông Như Nguyệt, quân và nhân dân Đại Việt chống trả quyết liệt, địch thua tính rút về thì bị phía ta cắt đứt cầu phao trước đó, gây nhiều khó khăn. Địch cho đóng bè đưa quân vượt sông tấn công lần 2, định phá lũy cao tre dày. Số bè địch dùng đưa quân mỗi lần có hạn, khoảng 500 quân, cứ như thế, hết số quân này sang bè lại quay về đưa số quân khác. Quân Lý Thường Kiệt chặn đánh tiêu diệt địch dữ dội. Số quân trước của địch bị thua, lớp quân sau đưa sang cũng bị đánh tan tác. Lũy tre không phá được còn thiệt hại quân số. Địch rút về cứ điểm chờ thời. Quân ta lại đánh du kích gây quấy nhiễu. Hai hoàng tử Hoàng Chân, Chiêu Văn được Lý Thường Kiệt cử đi đánh giặc đã anh dũng hy sinh trong trận này, đó là vào năm 1077. Tuy vậy, trận đánh này cũng đã gây cho một trong hai đội quân của giặc do Quách Quỳ phụ trách nhiều khó khăn tổn thất. Đội quân còn lại của giặc do Triệu Tiết làm chỉ huy đang tập trung chú ý vào trận chiến của đồng đội thì bất ngờ bị Lý Thường Kiệt tập kích lúc nửa đêm. Cũng trong trận chiến này, bài thơ Nam quốc sơn hà bất hủ của Kiệt ra đời, nhằm cổ vũ, kích động tinh thần chống giặc của quân ta. Cuối cùng, quân địch đại bại,

chiến thắng thuộc về quân dân Đại Việt, Lý Thường Kiệt mở đường, tạo cơ hội cho quân địch rút về nước, thể hiện sự hòa hiếu của Đại Việt đối với Tống triều.

### 3.3.2. Hình thức nghệ thuật trong việc tái hiện các sự kiện lịch sử qua vở diễn.

Được chuyển thể từ tiểu thuyết cùng tên của Hoàng Yên, vở diễn ra mắt lần đầu năm 1982 đã tái hiện lại tinh thần đoàn kết chống ngoại xâm của triều đình nhà Lý trong bối cảnh Ý Lan nhiếp chính khi vua Lý Nhân Tông còn nhỏ tuổi. Từ trong hoàn cảnh bị giặc lăm le tấn công đó mới thấy cần sự cố kết, đồng lòng, “chung sức từ thôn dã đến cung chường” để trên dưới cùng nhau chống giặc là điều tiên quyết; những xích mích, thù hằn trước đây giữa các cá nhân cần phải được bỏ qua, khi giờ đây, tất cả đều có chung một kẻ thù xâm lược. Lý Thường Kiệt bỏ qua những mối hiềm khích năm xưa với Lý Đạo Thành, mời ông về triều giữ chức Bình Chương Quân Quốc Thái sư trông coi triều đình. Ở chiều ngược lại, Lý Đạo Thành cũng tiêu trừ những nghi ngờ của mình với Lý Thường Kiệt, chấp nhận lời mời của Kiệt để “gắng sức già lo cho nước cho dân”. Với những bậc nữ nhi, Ý Lan cũng dẹp bỏ qua thù ghét năm xưa cùng việc cháu của Thượng Dương là Lý Ngân phạm tội, mà cho Thượng Dương rời khỏi lãnh cung, phục chức vị hoàng hậu.

Xét trên một vài phương diện như lãnh thổ, số quân binh, Đại Việt không thể sánh bằng triều đình nhà Tống, nên nếu muốn chiến thắng được kẻ thù không phải chỉ dùng sức đánh nhau trên chiến trận, mà còn phải vận dụng, kết hợp những kế sách phù hợp như trọng dụng nhân tài, phát huy tinh thần bao dung truyền thống, và giữ nề nếp trật tự kỷ cương. Bên cạnh đó, lấy hình ảnh đối lập về thân phận của hai bà hoàng Thượng Dương và Ý Lan trên vũ đài chính trị triều nhà Lý trong vở diễn, để thấy rằng, trong việc điều hành đất nước, không cần quan tâm về xuất thân, miễn là có tài năng, thông minh trong lãnh đạo; triều đình vẫn là nơi công bằng, trọng dụng cho tài năng của cá nhân phát huy. Ở vị trí những người điều hành đất nước, thông qua những nhân vật Ý Lan, Lý Đạo Thành và Lý Thường Kiệt, người xem thấy rõ sự anh minh, sáng suốt của họ trong việc đưa ra những kế sách, hành động; mục đích cuối cùng là vì quyền lợi của nhân dân. Những suy nghĩ, hành động của họ đều dẫn dắt cho sự tiến bộ và tác động đến an nguy quốc gia.

## 4. Kết luận

Các vở cải lương khi ra mắt người xem không chỉ đơn thuần là mang đến những phút giây thư giãn, giải trí với một loại hình nghệ thuật truyền thống của dân tộc, chúng chứa đựng nhiều giá trị, thông điệp ý nghĩa mà những người dàn dựng, biểu diễn muốn truyền tải tới người xem, góp phần định hướng, ý thức giáo dục về lòng tự hào lịch sử, văn hóa dân tộc. Qua nội dung vở diễn, người xem cũng thấy được những sự kiện, nhân vật lịch sử, những giá trị văn hóa được tái hiện qua những vở cải lương. Khi chọn lựa đề tài lịch sử để tái hiện, tác giả sẽ gửi gắm vào đó nhiều yếu tố xoay quanh vấn đề lịch sử. Rõ ràng nhất, thông qua nội dung và lời thoại, những thông điệp lịch sử mà tác giả gửi vào những vở diễn thường sẽ xoay quanh ba yếu tố, đó là câu chuyện lịch sử, sự kiện lịch sử và những điều có thể được xem như là những thường thức được đúc kết, có thể tích lũy kinh nghiệm cho bản thân, áp dụng vào cuộc sống.

Với câu chuyện lịch sử được thể hiện qua hai phương diện, đó là câu chuyện lịch sử được thể hiện xuyên suốt nội dung của những vở diễn và câu chuyện lịch sử được đưa vào nội dung vở diễn. Ở phương diện thứ nhất, mạch nội dung của vở diễn đã gửi tới người xem về câu chuyện lịch sử xảy ra trong bối cảnh thời kỳ đó. Điều này, phần nào đã đưa tới người xem tổng quan, những diễn biến của câu chuyện mà tác giả muốn truyền

tài. Ví dụ, với Tiếng trống Mê Linh, là câu chuyện của đôi vợ chồng Thi Sách – Trưng Nhị, là câu chuyện chống quân nhà Đông Hán của người dân Giao Chỉ những năm 40 sau công nguyên. Vợ Thái hậu Dương Vân Nga là câu chuyện về việc chuyển giao của hai triều đại Đinh – Tiền Lê; là nguyên nhân, tình thế buộc thái hậu phải nhường ngôi cho Lê Hoàn. Câu thơ yên ngựa lại là câu chuyện giữa hai bà hoàng Ý Lan và Thượng Dương, là trên dưới đồng lòng cùng nhau chống Tống, hay sự ra đời của Nam quốc sơn hà... Nhiều câu chuyện được nhìn thấu, và đây cũng là một cách để gia tăng nhận thức, hiểu biết về kiến thức lịch sử với người xem (tất nhiên, phải có sự chọn lọc). Ở phương diện thứ hai, đó là những câu chuyện được đưa vào nội dung vở diễn qua lời thoại của những nhân vật nhằm nhắc nhở người xem ý nghĩa, bài học của những câu chuyện đó. Chẳng hạn, câu chuyện về ngày Giỗ Tổ Hùng Vương là nhắc lại tổ tiên, nguồn cội của dân tộc Việt Nam. Những câu chuyện về nỏ thần của An Dương Vương, tên đồng Cao Lỗ, câu chuyện Thánh Gióng là nhắc về quá trình giữ nước của dân tộc trước sự xâm lăng của bọn giặc đi cướp nước. Hay “nhìn lấy gương Trọng Thủy với Mỵ Châu, nhẹ nợ nước mà nặng gánh ân tình, vết nơ ấy ngàn thuở lưu truyền”. Hay như câu chuyện về Bà Trưng, Bà Triệu là những bậc anh thư biết đem tài ra cứu nước cũng được nhắc lại trong vở Thái hậu Dương Vân Nga. Trong Câu thơ yên ngựa, những tấm gương anh hùng về “...Ngô Quyền diệt quân Nam Hán, giết Hoàng Thao trận Bạch Đằng giang, Lê Hoàn bắt giết Hầu Nhân Bảo trong trận Chi Lăng, phá tan quân Tống trên xứ Lạng” là nhắc nhở những chiến công, chiến tích oai hùng trong lịch sử giữ nước của tiền nhân.

Dưới góc nhìn của nhiều người, thường thức về cuộc sống có thể không thuộc về phạm trù lịch sử; tuy vậy, trong một giới hạn hẹp của những vở diễn, chính trong hoàn cảnh lịch sử được thể hiện trong cái lương, những câu nói, lời thoại của những nhân vật một lần nữa nhắc nhở, gọi cho người xem những chiêm nghiệm, suy nghĩ, có thể làm kinh nghiệm, vốn sống dành cho cá nhân hoặc vận dụng trong hiện thực; và đó có thể được xem là những bài học được đúc kết từ trong lịch sử (của những vở cái lương). Chẳng hạn:

– Bị nước ngoài đô hộ nhưng tinh thần chiến đấu của nhân dân sục sôi, khí thế, luôn muốn giành lại độc lập, Trưng Trắc đã nhắc nhở: “...Nhất thời không nén được hòn căm, sẽ gây thảm họa đau lòng, chỉ một trận chiến khơi mào, là tan tác cả quê hương, chỉ bằng chúng ta nên nén dạ căm thù, rồi lo tích thảo đồn lương, giáo gươm quân sĩ luyện rèn, chờ cơ hội để vùng lên”. Tinh thần đấu tranh trong quá khứ của dân Nam đã chứng minh luôn cao độ; tuy vậy, phạm làm việc gì cũng nên bình tĩnh, suy xét, thể hiện chí lớn, đừng “giận quá mất khôn” để gây hậu quả khôn lường, có thể dẫn đến làm suy vong quốc gia, dân tộc. Cần phân biệt điều này với yếu hèn, bạc nhược; bởi khi Trưng Trắc nói câu này, tiềm lực sức mạnh của dân Giao Chỉ chưa đủ lớn, nhưng khi cơ hội đã đến, bà vẫn cho nghĩa binh tấn công thành giặc.

– Trong việc trị nước, Lý Đạo Thành (Câu thơ yên ngựa) cũng đã đề ra những biện pháp trong việc trị quốc bình thiên hạ. Đó là những vấn đề thiết thực phục vụ cho đời sống an sinh, quyền lợi của dân, bảo tồn các giá trị văn hoá... mang tính nền tảng mà thời đại nào còn giai cấp thống trị là còn cần được quan tâm, chú trọng đến. Nói đến thương dân, Trưng Trắc cũng đã nói: “Làm sao cũng phải có lợi cho cả vạn dân Nam”. Đề cao vai trò của người dân, lấy dân làm gốc mới mong có thể tập hợp được sức mạnh đoàn kết, tạo ra nguồn lực to lớn để đương đầu với những khó khăn, thử thách của quốc gia.

Mượn hình tượng của các nhân vật trong quá khứ để tái hiện sống động trên sân khấu cái lương, tất nhiên, điều đầu tiên là cái lương đã góp phần xây dựng nên hình ảnh gần gũi, sống động của những nhân vật trong quá khứ với người xem ở hiện tại. Khán giả

có thể nhớ mặt gọi tên những anh hùng lịch sử của dân tộc đã sống, chiến đấu ở thời đại nào trong quá khứ. Đó cũng là một phương cách để giáo dục, truyền bá và ghi nhớ những danh tánh, công lao những bậc tiền nhân trong công cuộc giữ gìn, dựng xây đất nước. Những cá nhân, tập thể ấy đã đi cùng với những sự kiện quan trọng của dân tộc và nhắc nhở hậu thế rằng không được phép lãng quên: Nếu Hai Bà Trưng gắn liền với cuộc chiến chống quân Đông Hán thì Lý Thường Kiệt, Lê Hoàn, Dương Vân Nga... đều là những nhân vật sống ở thời kỳ mà cả dân tộc đang chống lại triều đình phong kiến nhà Tống phương Bắc. Song song đó, nếu ví lịch sử của Việt Nam “như một dòng sông mà binh lính và những chính trị gia đang chiến đấu, bỏ phiếu và đổ máu, thì trên bờ sông, có những người đang nuôi con, xây nhà, tìm hiểu khoa học và vũ trụ, viết nhạc và làm thơ” (Durant, tạm dịch). Dù không trực tiếp tham gia chiến đấu, nhưng ở những khía cạnh khác của xã hội, đời sống, Lý Đạo Thành, Ý Lan... đã góp phần xây dựng, củng cố sức mạnh nội tại của dân tộc bằng những biện pháp an sinh, giáo dục... Mỗi con người, mỗi tính cách đặc thù riêng đều được tái hiện một cách chân thực, gần gũi để lồng ghép vào đó là gửi gắm những thông điệp, bài học lịch sử tới người xem, nhắc nhở về một truyền thống tốt đẹp của người Việt Nam, đó chính là “ăn quả nhớ kẻ trồng cây”; đó là một cách để ghi nhớ công ơn của những bậc tiền nhân ở các thời đại đã góp công sức của họ làm nên hình hài đất nước như ngày nay.

Thông điệp, bài học lịch sử đó không chỉ được biểu hiện qua hành vi, thái độ của con người trong hoàn cảnh lịch sử đó, mà thông qua cái lương, nó lại càng sống động và “đậm nét”, giúp người xem càng thêm nhận thức rõ một phần của quá khứ. Nếu trong chính sử, các sử gia đã nhắc đến tinh thần chống giặc của Hai Bà Trưng, hành động trao long cổn của Dương Vân Nga đối với Lê Hoàn, một Ý Lan giỏi giang có tài trị quốc,... thì tái hiện lại trên sân khấu cải lương, khán giả lại thấy rõ hơn một tinh thần bất khuất, mạnh mẽ của Hai Bà Trưng và các nhân vật trong công cuộc đánh đuổi giặc; Dương Vân Nga dù rất muốn giữ gìn cơ nghiệp cho họ Đinh nhưng trong một hoàn cảnh khó khăn, ngặt nghèo của đất nước, bà buộc phải trao áo, nhường ngôi cho Lê Hoàn; một Ý Lan, Lý Đạo Thành luôn đặt lợi ích quốc gia, dân tộc lên hàng đầu... Từ trong hoàn cảnh đó tác động đến hành vi của những nhân vật; đưa người xem thấu hiểu, cảm nhận sâu sắc hơn hoàn cảnh, tâm lý nhân vật; điều mà thông qua những mô tả trong chính sử còn nhiều phần chưa rõ nét. Từ đó kết luận rằng, cải lương đã góp một phần lớn trong việc truyền bá lịch sử Việt Nam thông qua những vở diễn chủ đề lịch sử.

*Nội dung bài báo được trích và có bổ sung từ luận văn thạc sĩ của tác giả lưu ở thư viện trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn – ĐHQG TP.HCM*

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bùi Thế Cường, Đỗ Kiên Cường, Đỗ Minh Khuê, Đỗ Thiên Kính, Lê Minh Tiến, Lê Thanh Sang,... Trần Thị Bích Ngọc (2010). *Phương pháp nghiên cứu xã hội và lịch sử*. NXB Từ điển bách khoa.
- [2] Đỗ Dũng (2003). *Sân khấu Cải lương Nam bộ 1918 – 2000*. NXB Trẻ
- [3] Đỗ Hương và Nguyễn Thị Minh Ngọc (2007). *Sân khấu cải lương ở thành phố Hồ Chí Minh – 100 câu hỏi đáp*. NXB Tổng hợp và Văn hóa Sài Gòn.
- [4] Huỳnh Quốc Thắng (2011). Vấn đề bảo tồn và phát huy giá trị nghệ thuật ca nhạc tài tử và sân khấu cải lương. *Tạp chí khoa học xã hội*, 2(150), 32-38.
- [5] Mã Thanh Cao (2020). Di sản văn hóa nghệ thuật và thiết kế xã hội ở Việt Nam. *Tạp chí khoa học đại học Văn Lang*, 23, 119-124.

- [6] Nguyễn Đức Hiệp và Nguyễn Lê Tuyên (2013). *Hát bội, đờn ca tài tử và cải lương – cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20*. NXB Văn hóa – Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh.
- [7] Nguyễn Thị Trúc Bạch (2012). Tính linh hoạt trong cấu trúc nghệ thuật cải lương ở Nam bộ. *Tạp chí khoa học xã hội*, 8(168), 52-57.
- [8] Nguyễn Thị Trúc Bạch (2013). Đặc tính tổng hợp trong cấu trúc nghệ thuật cải lương Nam bộ. *Tạp chí khoa học xã hội*, 5(177), 30-41
- [9] Nguyễn Trần Ngọc Tuyết (2013). *Sân khấu cải lương Thành phố Hồ Chí Minh trong bối cảnh chuyển đổi kinh tế - xã hội từ năm 1975 đến nay* (Luận văn thạc sĩ). Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh.
- [10] Nguyễn Tuấn Khanh (2018). *Bước đường của Cải lương*. NXB Tổng hợp.
- [11] Trần Văn Khải (1970). *Nghệ thuật sân khấu Việt Nam*. NXB Khai Trí.
- [12] Tuấn Giang (2006). *Nghệ thuật Cải lương*. NXB Đại học Quốc gia.
- [13] Võ Thị Yên (2013). *Nghệ thuật sân khấu cải lương Nam bộ qua tác động của các phương thức quản lý* (Luận án tiến sĩ). Viện Văn hóa Nghệ thuật Việt Nam.